

BÀI THI ĐỌC

Thời gian: 60 phút

Số câu hỏi: 40

Hướng dẫn:

1. Bài thi Đọc gồm 2 phần: Phần 1 gồm hai bài (đoạn trích); phần 2 gồm ba bài (đoạn trích). Sau mỗi bài sẽ có các câu hỏi, mỗi câu hỏi có 04 phương án: A, B, C, D.

Tổng số các câu hỏi của Bài thi Đọc là 40 câu, có số thứ tự từ 1 đến 40, được phân bố như sau:

Bài 1: 10 câu hỏi

Bài 2: 6 câu hỏi

Bài 3: 8 câu hỏi

Bài 4: 8 câu hỏi

Bài 5: 8 câu hỏi

2. Các bạn hãy đọc từng bài, tìm phương án đúng cho từng câu hỏi và đánh dấu vào một trong bốn phương án A, B, C, D, tương ứng trong phiếu trả lời.

3. Thời gian 60 phút dành cho các việc: Đọc các đoạn trích, câu hỏi, tìm phương án và đánh dấu phương án trong phiếu trả lời.

Phần 1

Bài 1. Đọc bài dưới đây và trả lời từ câu hỏi 1 đến câu hỏi 10

(1) Chị Mai là bạn tôi. Chị ấy đã có gia đình. Gia đình chị ấy đang sống ở Thành phố Hồ Chí Minh. Gia đình chị Mai có 4 người: chị, chồng chị, một con gái và một con trai. Chồng chị Mai là kỹ sư. Anh ấy làm việc ở Khu Công nghiệp Biên Hòa. Chị Mai là giáo viên tiếng Hàn Quốc của một Trung tâm Ngoại ngữ ở Quận 2. Con gái chị năm nay 8 tuổi, đang học lớp 3, còn con trai 3 tuổi, mới đi học mẫu giáo.

(2) Hàng ngày, vào buổi sáng chồng chị Mai đi làm bằng xe công ty. Anh ấy thường đi làm rất sớm, lúc năm giờ rưỡi sáng, vì vậy không có đủ thời gian để ăn sáng ở nhà, còn chị chuẩn bị bữa sáng và ăn sáng ở nhà cùng các con. Sau khi ăn sáng, chị đưa các con đi học. Sau đó chị đến Trung tâm chuẩn bị bài giảng. Chị ấy đi dạy một tuần 3 buổi chiều: thứ hai, thứ tư và thứ sáu. Buổi trưa, chồng chị ăn trưa ở công ty, các con ăn trưa ở trường, còn chị ăn ở nhà.

(3) Buổi chiều, chị thường đón các con và về đến nhà lúc năm giờ và chuẩn bị bữa tối lúc sáu giờ. Ngày nào chồng chị cũng về nhà lúc sáu giờ rưỡi và 30 phút sau, gia đình họ bắt đầu ăn tối.

(4) Khi rảnh vợ chồng chị thường cho con đi chơi công viên hay về thăm ông bà nội. Nếu có nhiều thời gian thì gia đình chị sẽ đi chơi xa hơn. Các con của họ rất thích biển.

(5) Cuối tuần trước cả gia đình chị Mai đã đi Vũng Tàu. Sáng thứ Bảy họ khởi hành từ Thành phố Hồ Chí Minh lúc bảy giờ, bằng xe khách. Chị Mai chuẩn bị bữa sáng ở nhà và đem đồ ăn sáng theo để ăn ở bãi biển. Họ đến Vũng Tàu lúc chín giờ sáng. Sau đó ăn sáng, tắm biển và nghỉ ngơi. Khoảng mười một giờ rưỡi, họ đi ăn trưa và về nhận phòng khách sạn. Khách sạn của họ ở gần bãi biển, từ ban công khách sạn có thể nhìn thấy biển. Buổi chiều, sau khi nghỉ trưa, gia đình chị thuê 2 chiếc xe máy của khách sạn để đi dạo vòng vòng thành phố. Họ ăn tối ở một nhà hàng nhỏ bên cạnh khách sạn và đi dạo biển đêm. Họ trở về khách sạn nghỉ ngơi vào khoảng chín giờ rưỡi.

(6) Sáng Chủ nhật, chị Mai thức dậy lúc năm giờ. Từ ban công phòng khách sạn có thể ngắm bình minh trên biển. Sau khi chồng và con chị Mai thức dậy, họ cùng nhau ăn sáng tại khách sạn và đi tắm biển. Vì trời nắng và nóng nên họ trở về khách sạn nghỉ ngơi và trả phòng lúc mười hai giờ trưa. Sau đó, họ ăn trưa ở một nhà hàng nổi tiếng của Vũng Tàu trước khi trở về Thành phố Hồ Chí Minh. Cả gia đình đã có được 2 ngày nghỉ cuối tuần rất vui vẻ và thoải mái. Chị Mai thấy mình là người hạnh phúc không ai bằng.

Câu hỏi 1: Theo đoạn (1), chị Mai có mấy đứa con?

- A. Hai con.
- B. Bốn con.
- C. Một con.
- D. Ba con.

Câu hỏi 2: Theo đoạn (1), chị Mai làm việc ở đâu?

- A. Khu Công nghiệp Biên Hòa.
- B. Trung tâm Ngoại ngữ.
- C. Trường Tiểu học.
- D. Trường Mẫu giáo.

Câu hỏi 3: Theo đoạn (2), mỗi buổi sáng chị Mai thường làm gì?

- A. Chuẩn bị bữa sáng, đưa con đến trường, đến Trung tâm Ngoại ngữ.
- B. Chuẩn bị bữa sáng, đưa con đi học, đến Trung tâm tiếng Hàn.
- C. Chuẩn bị bữa sáng, ăn sáng, đưa con đi học và về nhà.
- D. Chuẩn bị bữa sáng, ăn sáng với chồng, đến Trung tâm Ngoại ngữ.

Câu hỏi 4: Theo đoạn (2), điều gì dưới đây KHÔNG đúng?

- A. Chị Mai không ăn trưa cùng các con.
- B. Chị Mai là người nấu bữa sáng.
- C. Các con chị Mai không ăn trưa ở nhà.
- D. Chồng chị Mai thường ăn sáng ở nhà.

Câu hỏi 5: Theo đoạn (3), gia đình chị Mai thường ăn tối lúc mấy giờ?

- A. 6 giờ.
- B. 7 giờ.
- C. 6 giờ 30.
- D. 5 giờ 30.

Câu hỏi 6: Theo đoạn (4), gia đình chị Mai thường làm gì khi có thời gian rảnh?

- A. Đi chơi công viên xa nhà.
- B. Thăm ông bà nội ngoại.
- C. Đi công viên, thăm ông bà hay đi du lịch biển.
- D. Đi công viên, thăm ông bà nội, ngoại, đi Vũng Tàu.

Câu hỏi 7: Theo đoạn (5), sáng thứ bảy tuần trước gia đình chị Mai ăn sáng ở đâu?

- A. Ở nhà.
- B. Ở khách sạn.
- C. Ở bãi biển.
- D. Trên xe khách.

Câu hỏi 8: Theo đoạn (5), gia đình chị Mai đi vòng vòng thành phố Vũng Tàu bằng phương tiện gì?

- A. Xe khách.
- B. Xe máy.
- C. Xe đạp.
- D. Đi bộ.

Câu hỏi 9: Theo đoạn (6), buổi sáng ở Vũng Tàu, gia đình chị Mai làm gì?

- A. Ra biển ngắm bình minh.
- B. Tắm biển và nghỉ ngơi.
- C. Tắm biển và tham quan thành phố.
- D. Nghỉ ngơi và trả phòng.

Câu hỏi 10: Theo đoạn (6), sau chuyến đi Vũng Tàu của cả gia đình, chị Mai cảm thấy thế nào?

- A. Chị là người thoải mái nhất.
- B. Chị là người vui nhất.
- C. Chị là người hạnh phúc nhất.
- D. Chị là người hạnh phúc hơn.

Phần 1

Bài 2. Đọc bài dưới đây và trả lời từ câu hỏi 11 đến câu hỏi 16

(1) Trẻ em thường thích nuôi thú cưng trong nhà. Nhưng nhiều phụ huynh lại cho rằng không thích hoặc nghĩ rằng không nên có vật nuôi trong nhà. Trước hết, vật nuôi (hay còn gọi là thú cưng) là những loài vật đã được con người thuần hóa, nuôi trong gia đình. Chúng được nuôi với mục đích phục vụ kinh tế hay làm thú cưng, làm cảnh. Chúng không giống với các loài động vật hoang dã. Việc có một vật nuôi trong nhà cũng đem đến nhiều lợi ích tích cực.

(2) Khi nuôi một con vật, nghĩa là chúng ta sẽ phải có trách nhiệm chăm sóc chúng hằng ngày. Từ việc cung cấp bữa ăn, đến khi chúng đau ốm... Nhờ vậy, chúng ta học được tính kiên nhẫn, cũng như sống có trách nhiệm hơn. Khi có một loài vật sống gần bên cạnh, chúng ta sẽ phải học cách để hiểu được ngôn ngữ và tập tính của loài vật đó. Từ đó, chúng ta học được cách thấu hiểu, bao dung.

(3) Vật nuôi trong nhà còn giúp chúng ta có cảm xúc tốt đẹp và tích cực. Chắc hẳn ai cũng đã biết về sự trung thành của loài chó đối với con người. Chúng có thể lắng nghe ta vô điều kiện mà không phán xét. Chúng cũng có thể cho ta những cái ôm đầy tình cảm, tập cho ta cách kiểm soát cảm xúc tiêu cực. Vật nuôi giống như một người bạn, biết thấu hiểu và quan tâm.

(4) Những người nuôi thú cưng, thường yêu thiên nhiên, biết quý trọng loài vật. Chúng giúp con người gần gũi với thiên nhiên hơn, bước ra ngoài vận động nhiều hơn. Những loài chó, mèo là những loài có tập tính săn bắt, chúng sẽ không thể ở yên một chỗ. Ta sẽ có cơ hội để ra ngoài, vận động và nâng cao sức khỏe.

(5) Tuy nhiên, nhiều người cho rằng không nên có vật nuôi trong nhà vì vật nuôi có thể mang các căn bệnh truyền nhiễm. Nuôi một con vật cũng cần có sự chăm sóc kỹ lưỡng, đầu tư về công sức và tài chính mà không phải bất cứ ai, bất cứ gia đình nào cũng có thể đáp ứng được.

(6) Như vậy, rõ ràng lợi ích của việc có vật nuôi trong nhà là lớn hơn. Nhưng việc lựa chọn nuôi hay không nuôi vẫn tùy thuộc vào điều kiện, quan điểm của mỗi người.

Câu hỏi 11. Theo đoạn trích, vật nuôi (hay thú cưng) có đặc điểm gì?

- A. Là những loài vật hoang dã được thuần hóa.
- B. Là những loài vật đã được con người thuần hóa, nuôi trong gia đình.
- C. Là những loài vật được con người nuôi dưỡng với mục đích kinh tế.
- D. Là những loài vật được nuôi để phục vụ cho mục đích làm cảnh.

Câu hỏi 12. Theo đoạn trích, việc nuôi một con vật giúp chúng ta học được những đức tính gì?

- A. Học được tính kiên nhẫn, sống có trách nhiệm và thấu hiểu, bao dung.
- B. Học được cách cung cấp bữa ăn và chăm sóc khi vật nuôi đau ốm.
- C. Học được cách kiểm soát cảm xúc tiêu cực.
- D. Học được cách trung thành và yêu thương.

Câu hỏi 13. Đặc điểm nổi bật của loài chó đối với con người là gì?

- A. Chúng có tập tính săn bắt.
- B. Chúng rất hiếu động và không thể ở yên một chỗ.
- C. Chúng có sự trung thành tuyệt đối.
- D. Chúng giúp con người kiểm soát cảm xúc.

Câu hỏi 14. Theo đoạn trích, những người nuôi thú cưng thường có đặc điểm gì?

- A. Thường yêu thiên nhiên và biết quý trọng loài vật.
- B. Thường biết cách chăm sóc một cách kỹ lưỡng.
- C. Thường không có nhiều thời gian.
- D. Thường không có điều kiện kinh tế.

Câu hỏi 15. Việc nuôi chó, mèo giúp con người làm gì để nâng cao sức khỏe?

- A. Giúp con người gần gũi với thiên nhiên hơn.
- B. Giúp con người bước ra ngoài, vận động nhiều hơn.
- C. Giúp con người học cách kiểm soát cảm xúc tiêu cực.
- D. Giúp con người thấu hiểu và bao dung hơn.

Câu hỏi 16. Những lý do nào khiến nhiều người cho rằng không nên nuôi vật nuôi trong nhà?

- A. Vật nuôi có thể mang các căn bệnh truyền nhiễm.
- B. Nuôi một con vật cần sự chăm sóc kỹ lưỡng, đầu tư về công sức và tài chính.
- C. Vật nuôi có thể gây ồn ào, phiền toái cho hàng xóm.
- D. Cả A và B đều đúng.

Phần 2

Bài 3. Đọc bài dưới đây và trả lời từ câu hỏi 17 đến câu hỏi 24

(1) Ngày xưa ngày xưa, có một người đàn ông rất nghèo sống với vợ. Một ngày nọ, vợ ông, người có mái tóc rất dài nói chuyện với chồng về việc mua một chiếc lược mới hơn để dùng. Người đàn ông cảm thấy rất buồn vì không mua nổi cho vợ một cái gì đó. Ông không đủ tiền để mua được cho vợ một chiếc lược mới bởi số tiền kiếm được chỉ đủ để lo cho miếng cơm hàng ngày. Thậm chí, ông cũng không dám mang chiếc đồng hồ cũ đã đứt dây đi sửa. Người vợ biết vậy nên bà không bao giờ gắng hỏi chồng mình một lần nào.

(2) Một hôm, khi đang trên đường đi làm về ngang qua cửa hàng đồng hồ, ông quyết định bán nó. Với số tiền ít ỏi có được người chồng mua một chiếc lược mới cho vợ.

Ông trở về nhà vào buổi tối và mang tặng cho vợ món quà nhỏ bé này. Tuy vậy, ông đã rất ngạc nhiên khi nhìn thấy người vợ thân yêu với mái tóc ngắn. Bà đã bán tóc của mình và mua tặng cho ông một chiếc đồng hồ mới.

(3) Nước mắt lăn dài trên gò má của hai vợ chồng, họ ôm nhau khóc trong hạnh phúc. Tuy cuộc sống hiện tại khá khó khăn, nhưng bù lại họ đã có được tình yêu và sự sẻ chia trong cuộc sống. Đó là món quà quý giá nhất mà hai vợ chồng ông nhận được từ Thượng Đế.

(4) Một tình yêu chân thành là tình cảm vô điều kiện. Đôi vợ chồng này đã dành hết thời gian tuổi trẻ để yêu nhau và cũng không chờ đợi khi giàu có để thể hiện tình yêu.

(5) Yêu và được yêu là một điều mà bất kỳ ai khi sinh ra đều mong muốn. Có thể bạn sẽ mất nhiều thời gian và công sức để kiếm tìm cho mình một nửa đích thực, thậm chí *có những người phải đến nửa cuộc đời mới tìm được tri kỷ*, người bạn có thể tin tưởng và chia sẻ vui buồn và làm chỗ dựa khi gặp khó khăn.

(6) Bạn có thể đang suy nghĩ về một người mà chỉ có trong mơ. Hãy quay về với thực tại, với cuộc sống và những niềm vui, nỗi buồn hàng ngày. Hạnh phúc và tình yêu đôi khi chỉ xuất phát từ những điều đơn giản và nhỏ nhoi nhất trong cuộc sống, thậm chí ngay cả trong những lúc khó khăn. Hãy trân trọng hiện tại và làm theo những gì con tim mình mách bảo.

Câu hỏi 17: **Nội dung chính của đoạn (1) là gì?**

- A. Cuộc sống của hai vợ chồng nghèo.
- B. Mái tóc dài của người vợ.
- C. Chiếc đồng hồ cũ của người chồng.
- D. Chiếc lược mà người vợ mong ước.

Câu hỏi 18: **Trong đoạn (1) người đàn ông cảm thấy buồn vì việc gì?**

- A. Vì không đủ tiền lo cho cuộc sống của hai vợ chồng.
- B. Vì không có tiền để mua quà cho vợ.
- C. Vì không sửa được chiếc đồng hồ cũ.
- D. Vì món quà vợ muốn mua cần có rất nhiều tiền.

Câu hỏi 19: **Theo đoạn (2), tại sao người phụ nữ cắt tóc ngắn?**

- A. Vì bà ấy muốn có kiểu tóc mới.
- B. Vì bà ấy muốn có tiền mua đồng hồ cho mình.
- C. Vì bà ấy cần tiền để mua đồng hồ tặng chồng.
- D. Vì mái tóc ngắn làm bà được chồng yêu hơn.

Câu hỏi 20: **Theo đoạn (3), món quà quý nhất mà đôi vợ chồng này có được trong cuộc sống là gì?**

- A. Mái tóc dài của vợ.
- B. Chiếc đồng hồ cũ.
- C. Hạnh phúc vợ chồng.
- D. Tình yêu và sự chia sẻ.

Câu hỏi 21: **Đôi vợ chồng này đã yêu nhau thế nào?**

- A. Họ yêu nhau trong thời gian còn trẻ.
- B. Sự giàu có làm điều kiện cho tình yêu của họ.
- C. Họ yêu nhau không cần quan tâm đến điều kiện vật chất.
- D. Họ yêu nhau không cần thể hiện tình cảm.

Câu 22: **Nội dung chính của đoạn văn (4) là gì?**

- A. Ai cũng phải có được tình yêu.
- B. Muốn có tình yêu phải mất nhiều thời gian.
- C. Không dễ có được một tình yêu đích thực.
- D. Có thể cả cuộc đời không tìm thấy tình yêu.

Câu hỏi 23: **Bạn hiểu như thế nào là “người tri kỷ” trong cụm từ “...có những người phải đến nửa cuộc đời mới tìm được người tri kỷ” ở đoạn (4)?**

- A. Người yêu bạn tìm kiếm lâu năm mới gặp.
- B. Người có thể tin tưởng, chia sẻ và là chỗ dựa khi bạn gặp khó khăn.
- C. Người có thể nói chuyện và tâm sự chuyện riêng của mình,
- D. Người luôn luôn tin bạn là người tốt.

Câu hỏi 24: Theo đoạn (5), hạnh phúc và tình yêu bắt đầu từ đâu?

- A. Từ những điều nhỏ nhất trong cuộc sống.
- B. Từ những niềm vui, nỗi buồn hàng ngày.
- C. Từ một thời điểm khó khăn trong cuộc sống.
- D. Từ những điều thấy trong mơ.

Phần 2

Bài 4. Đọc bài dưới đây và trả lời từ câu hỏi 25 đến câu hỏi 32

(1) Trong cuộc đời một con người, từ xin việc đến thăng tiến, từ tình yêu đến hôn nhân, từ tiếp thị cho đến đàm phán, từ xã giao đến làm việc... không thể không cần đến kỹ năng và khả năng giao tiếp. Khéo ăn khéo nói thì đi đâu, làm gì cũng gặp thuận lợi. Không khéo ăn nói, bốn bề đều là trở ngại, khó khăn.

(2) Trong thời đại thông tin và liên lạc phát triển nhanh chóng, tin tức được cập nhật liên tục, các công cụ thông tin và kỹ thuật truyền thông được ứng dụng rộng rãi như ngày nay thì việc khéo ăn nói đã trở thành “*cái tài số một thiên hạ*”. Trong khoảng thời gian ngắn nhất, nếu ai có thể nêu bật được khả năng, thực lực của mình cho đối phương biết thì đó sẽ là người chiến thắng. Chính vì vậy mà câu nói “Khéo ăn nói sẽ có được thiên hạ” rất có ý nghĩa.

(3) Trong cuộc sống thường ngày, chúng ta thấy rằng: Biết cách nói chuyện không nhất định là phải nói nhiều, quan trọng là phải nói đúng trọng tâm, đúng nội dung. Và điều quan trọng là phải nắm được vấn đề mình đang nói đến.

(4) Chắc chắn rất nhiều người đã gặp phải tình huống như thế này: Có những nhân viên tiếp thị khi gặp khách hàng thì giống như một cái máy, nói không ngừng nghỉ, không để ý tới phản ứng và cảm nhận của khách hàng, không cần biết vị khách đó có đang nghe lời giới thiệu về sản phẩm hay không. Nếu làm việc như vậy thì người đó nắm chắc phần thất bại.

(5) Trong cuộc sống và trong công việc, chúng ta cũng rất hay gặp phải hiện tượng như sau: Nhiều người khi nói chuyện với người quen thì nói rất hay, không bị mất bình tĩnh hay áp úng. Thế nhưng khi gặp người lạ hoặc phải nói chuyện trong một đám đông, thì người đó dường như bị *mất sự chủ động với ngôn ngữ*, có lúc còn không biết mình đã nói gì.

(6) Trong vấn đề giao tiếp, có hai điều cần nói: Thứ nhất là nói chuyện phải chân thành. *Chân thành chính là thứ ngôn ngữ hay nhất*, nếu không chân thành thì cho dù nói nhiều bao nhiêu, nắm được nhiều kỹ năng và phương pháp giao tiếp đến thế nào, tất cả cũng chỉ là vô nghĩa. Điều thứ hai là phải lắng nghe bằng trái tim. Chỉ có lắng nghe bằng trái tim thì chúng ta mới biết phải nói gì, nói như thế nào. Những người không biết

cách lắng nghe thì không phải là người biết cách nói chuyện. Người biết cách nói chuyện thì chắc chắn là người biết lắng nghe.

Câu hỏi 25: Nội dung chính của đoạn (1) là gì?

- A. Việc cần làm của mỗi người trong đời sống hàng ngày.
- B. Khả năng giao tiếp trong cuộc sống của mọi người.
- C. Vai trò của kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống con người.
- D. Cách ăn nói khéo léo và tác dụng của khéo nói.

Câu hỏi 26: Theo đoạn (1) lợi ích của việc biết cách và có khả năng giao tiếp tốt là gì?

- A. Có ưu thế hơn trong giải quyết công việc.
- B. Có thể làm tốt tất cả việc mình muốn.
- C. Dễ dàng nói chuyện với tất cả mọi người.
- D. Làm việc gì cũng thuận lợi.

Câu hỏi 27: Trong đoạn (2), cụm từ “*cái tài số một của thiên hạ*”, nghĩa là gì?

- A. Cập nhật tin tức liên tục.
- B. Thể hiện khả năng trong thời gian ngắn nhất.
- C. Ứng dụng rộng rãi kỹ thuật truyền thông.
- D. Tài năng có giá trị nhất trên đời.

Câu hỏi 28: Theo đoạn (3), bạn hiểu thế nào là biết cách nói chuyện?

- A. Phải nói nhiều.
- B. Phải nói đúng sự thật.
- C. Phải biết vấn đề đang nói.
- D. Phải tập trung.

Câu hỏi 29: Theo đoạn (4), thái độ của nhân viên đối với khách hàng như thế nào?

- A. Nói như một cái máy.
- B. Không chú ý đến khách hàng.
- C. Giúp khách nghe giới thiệu sản phẩm.
- D. Theo dõi suy nghĩ của khách về sản phẩm.

Câu hỏi 30: Trong đoạn (5), bạn hiểu việc “*mất sự chủ động với ngôn ngữ*” là thế nào?

- A. Lúng túng, không biết phải nói gì.
- B. Nói chuyện cởi mở với nhiều người
- C. Chỉ có thể nói với một người.
- D. Khó nói với một người nhưng nói được trước nhiều người.

Câu hỏi 31: Trong đoạn (6), câu “*Chân thành chính là thứ ngôn ngữ hay nhất*” có nghĩa là gì?

- A. Khả năng nói chuyện tốt là tốt nhất.
- B. Phương pháp giao tiếp tốt là tốt nhất.
- C. Lòng thật thà, thật tâm muốn nói là tốt nhất.
- D. Lòng tốt là quan trọng nhất trong giao tiếp.

Câu hỏi 32: Theo đoạn (6) thế nào là biết cách lắng nghe?

- A. Nghe bằng cả tấm lòng.
- B. Nghe và nói chuyện.
- C. Nghe với kỹ năng tốt.
- D. Biết cách nói chuyện.

Phần 2

Bài 5. Đọc bài dưới đây và trả lời từ câu hỏi 33 đến câu hỏi 40

(1) Các nhà nghiên cứu tại Đại học Công nghệ Nanyang của Singapore chế tạo thành công loại giấy mới từ phấn hoa và có thể in, xóa tới 8 lần mà không ảnh hưởng tới chất lượng giấy, hình in.

(2) Quá trình sản xuất giấy bắt đầu bằng việc sử dụng kali hydroxide để loại bỏ vỏ ngoài của hạt phấn hoa hướng dương. Chất mềm bên trong hạt giống tạo thành một loại gel. Các nhà nghiên cứu tinh lọc loại gel này bằng nước khử ion, sau đó đổ vào khuôn phẳng và sấy khô. Sau khi gel khô thành lớp dày 0,03mm, họ xử lý thành phẩm với axit acetic để vật liệu không bị ảnh hưởng bởi độ ẩm.

(3) Kết quả thu được là một loại giấy mềm nhẹ và trong hơn giấy làm từ bột giấy truyền thống, nhưng vẫn có thể đưa vào máy in laser và in với hộp mực thông thường. Chữ và ảnh vẫn lưu trên giấy ngay cả khi dùng băng dính dán lên mặt giấy và lột ra, hoặc khi

(4) Để tái chế, nhóm nghiên cứu ngâm giấy trong dung dịch kiềm và chà nhẹ trong 2 phút, chất gel sẽ phồng lên, khiến lớp mực in tan ra. Lúc này, tờ giấy trắng sẽ được ngâm trong ethanol khoảng 5 phút để chất gel trở về trạng thái lúc trước. Sau đó, giấy được sấy khô và tái xử lý bằng axit acetic. Cuối cùng, vật liệu có thể sẵn sàng để in lần nữa mà không ảnh hưởng tới độ dai hoặc chất lượng của hình in. Toàn bộ quá trình trên có thể lặp lại 8 lần với mỗi tờ giấy.

(5) Một lợi thế khác của loại giấy mới là trong khi sản xuất giấy truyền thống đòi hỏi đốn nhiều gỗ, thì phấn được sử dụng có thể thu thập liên tục từ những cánh đồng hoa hướng dương. Phấn từ các loại cây như hoa trà và hoa sen cũng có thể sử dụng thay thế hoặc kết hợp với phấn hoa hướng dương.

Câu hỏi 33: Trong đoạn (1), loại giấy mới được chế tạo có gì đặc biệt?

- A. Có thể in và xóa nhiều lần.
- B. Chất lượng giấy luôn rất tốt.
- C. Sản xuất tại đại học Nanyang.
- D. Giấy hư sau khi xóa 8 lần.

Câu hỏi 34: Nội dung chính của đoạn (2) là gì?

- A. Chất liệu sản xuất giấy.
- B. Các công đoạn làm giấy.
- C. Việc nghiên cứu phân hoa làm giấy.
- D. Các loại gel được tạo thành.

Câu hỏi 35: Theo đoạn (3), chất lượng giấy từ phân hoa thế nào?

- A. Không mất hình và chữ khi ngâm trong nước
- B. Không dùng được cho máy in laser.
- C. Không được dùng băng dính dán giấy.
- D. Chỉ in với hộp mực thông thường.

Câu hỏi 36: Ý chính của đoạn (4) là gì?

- A. Quy trình xử lý giấy để sử dụng lại.
- B. Cách làm tan mực trên giấy.
- C. Thời gian ngâm giấy tái chế.
- D. Lượng gel của một tờ giấy.

Câu hỏi 37: Theo đoạn (4), việc sản xuất giấy mới có lợi ích gì?

- A. Có thể sử dụng nhiều loại phân hoa.
- B. Hạn chế việc chặt cây nhiều.
- C. Giấy mới tốt hơn giấy truyền thống.
- D. Sản xuất dễ hơn giấy truyền thống.

Câu hỏi 38: Chất lượng giấy tái chế thế nào?

- A. Giữ độ dai.
- B. Chất lượng hình in thay đổi.
- C. Có thể in 8 lần.
- D. Có thể tái chế nhiều lần.

Câu hỏi 39: Trong đoạn (5), phân hoa để làm giấy được sử dụng thế nào?

- A. Từng loại phân hoa riêng biệt.

- B. Kết hợp phần các loại hoa với nhau.
- C. Phải kết hợp với phần hoa hướng dương.
- D. Chỉ sử dụng được phần hoa hướng dương.

Câu hỏi 40: **Chủ đề chính của bài này là gì?**

- A. Giới thiệu công dụng của phần hoa hướng dương.
- B. Giới thiệu cách làm giấy từ phần hoa.
- C. Giới thiệu cách làm giấy bảo vệ môi trường.
- D. Giới thiệu loại giấy sử dụng trong thời gian lâu.

HẾT BÀI THI ĐỌC